

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-37



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Phạm Mạnh Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Bùi Quốc Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Nguyễn Hoa Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Dương Hữu Hiệu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Nguyễn Đình Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngõ Văn Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 10 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

---

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>399.591.303.995</b>	<b>376.791.180.863</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	57.352.948.855	112.293.999.848
111	1. Tiền		11.952.948.855	52.178.999.848
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.400.000.000	60.115.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	72.339.670.000	31.300.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		39.839.670.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		32.500.000.000	31.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		119.199.820.895	111.502.022.020
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	117.034.921.792	103.865.912.775
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.352.659.645	6.095.517.598
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.403.177.295	2.571.684.634
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(590.937.837)	(1.031.092.987)
140	IV. Hàng tồn kho	8	150.417.917.401	119.900.642.164
141	1. Hàng tồn kho		152.296.951.410	120.624.382.941
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.879.034.009)	(723.740.777)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		280.946.844	1.794.516.831
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	269.678.776	55.951.036
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.656.652.694
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	11.268.068	81.913.101
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>438.535.536.793</b>	<b>356.178.661.854</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		75.339.914.100	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	75.339.914.100	-
220	II. Tài sản cố định		99.329.381.091	91.858.377.209
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	98.364.968.365	90.670.634.918
222	- Nguyên giá		203.021.866.892	187.572.798.390
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.656.898.527)	(96.902.163.472)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	964.412.726	1.187.742.291
228	- Nguyên giá		1.286.081.111	1.286.081.111
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(321.668.385)	(98.338.820)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	600.369.850
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	600.369.850
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	259.009.962.100	259.167.885.414
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		259.009.962.100	259.167.885.414
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.856.279.502	4.552.029.381
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.856.279.502	4.552.029.381
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>838.126.840.788</b>	<b>732.969.842.717</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>265.948.727.013</b>	<b>156.478.570.474</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>258.205.248.769</b>	<b>149.285.356.908</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	55.466.532.922	51.769.343.196
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	4.091.121.768	4.018.504.654
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.990.853.371	2.466.075.373
314	4. Phải trả người lao động		14.293.063.994	17.237.126.309
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	868.964.205	2.626.843.898
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.260.275.200	1.171.006.433
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.431.191.102	3.607.381.524
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	153.460.748.234	46.548.779.435
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	10.668.139.193	14.037.627.433
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.674.358.780	5.802.668.653
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.743.478.244</b>	<b>7.193.213.566</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	18	6.122.073.434	5.556.213.566
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.621.404.810	1.637.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>572.178.113.775</b>	<b>576.491.272.243</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>565.076.645.089</b>	<b>574.899.053.562</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		368.000.000.000	368.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.926.026.801	4.830.224.674
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		181.551.913.159	187.920.935.086
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		105.055.327.106	120.970.813.112
421b	LNST chưa phân phối năm nay		76.496.586.053	66.950.121.974
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.035.521.784	15.584.710.457
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>7.101.468.686</b>	<b>1.592.218.681</b>
431	1. Nguồn kinh phí	20	(52.023.000)	(25.923.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.153.491.686	1.618.141.681
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>838.126.840.788</b>	<b>732.969.842.717</b>



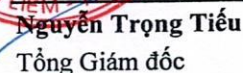
Lê Thanh Hải  
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	542.734.192.912	686.617.584.118
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	683.931.458	3.691.060.812
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		542.050.261.454	682.926.523.306
11	4. Giá vốn hàng bán	24	445.416.459.196	591.782.487.038
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.633.802.258	91.144.036.268
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	51.419.363.405	65.599.316.958
22	7. Chi phí tài chính	26	6.211.909.566	3.130.433.161
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.556.082.505	2.378.580.972
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.252.776.385	(20.498.236.433)
25	9. Chi phí bán hàng	27	15.952.432.851	21.251.472.450
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	36.408.544.275	36.921.630.321
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.733.055.356	74.941.580.861
31	12. Thu nhập khác	29	1.394.978.104	1.284.814.530
32	13. Chi phí khác	30	2.718.223.599	880.370.452
40	14. Lợi nhuận khác		(1.323.245.495)	404.444.078
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		89.409.809.861	75.346.024.939
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	9.081.595.014	7.124.520.871
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	58.209.173
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>80.328.214.847</b>	<b>68.163.294.895</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		80.409.402.662	66.950.121.974
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(81.187.815)	1.213.172.921
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.194	1.827

Lê Thanh Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>89.409.809.861</b>	<b>75.346.024.939</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.035.828.830	9.196.280.668
03	- Các khoản dự phòng		(2.088.490.290)	5.505.722.299
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.341.647	(18.103.571)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(52.710.828.364)	(44.071.072.124)
06	- Chi phí lãi vay		5.556.082.505	2.378.580.972
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>50.205.744.189</b>	<b>48.337.433.183</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(81.019.022.818)	(13.245.461.496)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(31.672.568.469)	(45.080.324.200)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.252.649.048)	22.723.433.155
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		82.391.989	(338.502.374)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(39.839.670.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.542.186.221)	(2.228.693.572)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.115.673.196)	(7.657.869.918)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.050.087.949	4.142.276.795
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.831.092.581)	(6.228.998.833)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(113.934.638.206)</b>	<b>423.292.740</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.334.613.794)	(19.884.147.736)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		297.782.548	201.963.696
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(29.500.000.000)	(27.628.679.556)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		28.300.000.000	77.928.679.556
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.749.360.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.474.329.917	64.610.616.845
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>26.488.138.671</b>	<b>95.228.432.805</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		409.466.220.795	154.881.267.784
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(302.554.251.996)	(122.471.081.789)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(74.406.597.600)	(51.597.312.200)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>32.505.371.199</b>	<b>(19.187.126.205)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(54.941.128.336)	76.464.599.340
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		112.293.999.848	35.828.981.888
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		77.343	418.620
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>57.352.948.855</u>	<u>112.293.999.848</u>



Lê Thanh Hải  
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiếu  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 368.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 368.000.000.000 đồng; tương đương 36.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh các thiết bị điện.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	99,82%	99,82%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

(\*): Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông khác để nâng số cổ phần nắm giữ từ 910.232 cổ phần lên 1.297.700 cổ phần. Do đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết tăng từ 70,02% lên 99,82%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 06 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	03 - 06 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## **2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đánh giá lại tính ổn định về chất lượng của các sản phẩm kết hợp xem xét chi phí bảo hành thực tế phát sinh những năm qua để làm căn cứ xác định tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cho các hợp đồng có yêu cầu. Theo đó, tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa của Công ty được thay đổi từ 5% xuống 3% để phù hợp hơn với thực tế phát sinh chi phí.

## **2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước về số tiền học phí của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## **2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	127.217.113	434.268.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.825.731.742	51.744.731.185
Các khoản tương đương tiền	45.400.000.000	60.115.000.000
	<b><u>57.352.948.855</u></b>	<b><u>112.293.999.848</u></b>

Tại 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	31.300.000.000	31.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	31.300.000.000	31.300.000.000
	<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>31.300.000.000</b>	<b>31.300.000.000</b>

Tại 31/12/2017, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn với kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,1%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

Toàn bộ chứng khoán kinh doanh tại thời điểm 31/12/2017 là khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần GTNfoods với giá gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 39.839.670.000 đồng. Giá trị hợp lý của chứng khoán này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2017 là 41.310.000.000 đồng, do đó không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**c) Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2017				01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
				VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	259.009.962.100	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	259.167.885.414
				<b>259.009.962.100</b>				<b>259.167.885.414</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 37.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	32.776.152.574	-
- Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	29.776.933.402	27.671.454.321
- Công ty Điện lực Hưng Yên	11.493.682.200	-
- Công ty điện lực Vĩnh phúc	10.712.897.800	-
- Công ty Điện lực Thanh Hoá	7.479.065.000	-
- Công ty Điện lực Hà Nam	6.981.076.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVN SPC)	6.702.429.800	-
- Công ty Điện lực Thái Bình	4.829.160.000	-
- Công ty Cổ phần điện cơ Hà Nội	4.595.009.082	7.411.265.599
- Công ty Điện lực Quảng Ninh	4.482.339.088	3.756.020.457
- Công ty TNHH Một Thành Viên Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước	4.141.818.432	-
- Công ty Điện lực Tuyên Quang	4.043.239.200	1.684.548.541
- Các khoản phải thu khách hàng khác	64.361.033.314	63.342.623.857
	<b>192.374.835.892</b>	<b>103.865.912.775</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	117.034.921.792	103.865.912.775
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	75.339.914.100	-
	<b>192.374.835.892</b>	<b>103.865.912.775</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>34.138.113.110</b>	<b>599.349.549</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	354.069.444	-	484.025.486	-
Phải thu người lao động	39.590.995	-	42.302.992	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	68.738.747	-	558.555	-
Tạm ứng	853.497.844	-	1.341.870.190	-
Ký cược, ký quỹ	87.280.265	-	702.927.411	-
	<b>1.403.177.295</b>	<b>-</b>	<b>2.571.684.634</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí Phong Anh	265.400.036	265.400.036	265.400.036	265.400.036
- Công ty Cổ phần xây lắp Hồng Hà	165.145.000	165.145.000	165.145.000	165.145.000
- Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng số 4	-	-	440.155.150	440.155.150
- Các khoản khác	160.392.801	160.392.801	160.392.801	160.392.801
	<b>590.937.837</b>	<b>590.937.837</b>	<b>1.031.092.987</b>	<b>1.031.092.987</b>

Giá trị có thể thu hồi được của các khoản nợ xấu được xác định trên cơ sở xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	69.059.724.370	(62.089.489)	46.990.388.345	-
Công cụ, dụng cụ	635.214.674	-	614.596.026	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.437.159.282	-	21.859.274.651	-
Thành phẩm	69.368.824.495	(1.816.944.520)	50.285.649.073	(723.740.777)
Hàng hoá	796.028.589	-	874.474.846	-
	<b>152.296.951.410</b>	<b>(1.879.034.009)</b>	<b>120.624.382.941</b>	<b>(723.740.777)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	71.652.084.608	93.648.703.554	20.692.019.552	1.579.990.676	187.572.798.390
- Mua trong năm	-	17.443.939.046	641.662.727	-	18.085.601.773
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.636.533.271)	-	-	(2.636.533.271)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>71.652.084.608</b>	<b>108.456.109.329</b>	<b>21.333.682.279</b>	<b>1.579.990.676</b>	<b>203.021.866.892</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	31.149.249.552	51.448.571.488	13.016.745.608	1.287.596.824	96.902.163.472
- Khấu hao trong năm	2.509.862.250	6.080.224.908	1.595.263.836	40.619.566	10.225.970.560
- Tăng khác	(8.909.316)	-	8.909.316	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.471.235.505)	-	-	(2.471.235.505)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.650.202.486</b>	<b>55.057.560.891</b>	<b>14.620.918.760</b>	<b>1.328.216.390</b>	<b>104.656.898.527</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	40.502.835.056	42.200.132.066	7.675.273.944	292.393.852	90.670.634.918
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>38.001.882.122</b>	<b>53.398.548.438</b>	<b>6.712.763.519</b>	<b>251.774.286</b>	<b>98.364.968.365</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.298.701.158 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.671.866.456 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
Số dư cuối năm	<b>1.041.600.000</b>	<b>244.481.111</b>	<b>1.286.081.111</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	61.666.655	36.672.165	98.338.820
- Khấu hao trong năm	174.433.345	48.896.220	223.329.565
Số dư cuối năm	<b>236.100.000</b>	<b>85.568.385</b>	<b>321.668.385</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	979.933.345	207.808.946	1.187.742.291
Tại ngày cuối năm	<b>805.500.000</b>	<b>158.912.726</b>	<b>964.412.726</b>

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	146.107.420	55.951.036
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	123.571.356	-
	<b>269.678.776</b>	<b>55.951.036</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	2.129.107.636	2.217.105.028
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.422.409.472	1.213.314.301
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.304.762.394	1.121.610.052
	<b>4.856.279.502</b>	<b>4.552.029.381</b>

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH	1.322.756.908	-
Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	-	1.029.684.239
Các đối tượng khác trả tiền trước	2.768.364.860	2.988.820.415
	<b>4.091.121.768</b>	<b>4.018.504.654</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Y&W ENGINEERING AND TRADING CO., LTD.	18.522.184.800	18.522.184.800	177.454.560	177.454.560
- Công ty trách nhiệm hữu hạn NTT	12.164.674.709	12.164.674.709	33.000.000	33.000.000
- Công ty cổ phần Thiết bị điện	6.568.379.400	6.568.379.400	-	-
- Công ty TNHH Ánh Dương	456.269.242	456.269.242	10.471.723.114	10.471.723.114
- Công ty TNHH Hòa Phát Hà Nam	-	-	6.037.784.026	6.037.784.026
- Công ty TNHH Ánh Dương Hoà Bình	-	-	5.905.828.500	5.905.828.500
- Công ty TNHH Chế tạo máy biến áp điện lực Hà Nội	-	-	5.313.848.000	5.313.848.000
- Công ty cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Trường Giang	2.375.917.720	2.375.917.720	3.486.069.532	3.486.069.532
- Phải trả các đối tượng khác	15.379.107.051	15.379.107.051	20.343.635.464	20.343.635.464
	<b>55.466.532.922</b>	<b>55.466.532.922</b>	<b>51.769.343.196</b>	<b>51.769.343.196</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<b>6.579.665.400</b>	<b>6.579.665.400</b>	<b>535.264.400</b>	<b>535.264.400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	208.452.625	13.206.847.428	12.490.840.898	-	924.459.155
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	81.913.101	-	432.936.402	362.291.369	11.268.068	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.950.529.386	9.081.595.014	5.094.903.454	-	5.937.220.946
Thuế Thu nhập cá nhân	-	307.093.362	2.590.921.749	2.768.841.841	-	129.173.270
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	4.267.099.944	4.267.099.944	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.921.799.774	1.921.799.774	-	-
	<b>81.913.101</b>	<b>2.466.075.373</b>	<b>31.506.200.311</b>	<b>26.910.777.280</b>	<b>11.268.068</b>	<b>6.990.853.371</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	360.791.590	346.895.306
- Trích trước chi phí thí nghiệm máy biến áp	-	1.952.642.400
- Chi phí phải trả khác	508.172.615	327.306.192
	<b>868.964.205</b>	<b>2.626.843.898</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	104.216.396	29.575.700
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.771.900	8.977.500
- Phải trả tiền lương cán bộ, công nhân viên	3.053.850.011	2.659.057.678
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	257.352.795	209.770.646
	<b>3.431.191.102</b>	<b>3.607.381.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**17 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>409.466.220.795</b>	<b>302.554.251.996</b>	<b>153.460.748.234</b>	<b>153.460.748.234</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội <sup>(1)</sup>	2.042.312.400	2.042.312.400	112.172.632.555	73.228.694.159	40.986.250.796	40.986.250.796
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	-	-	19.694.735.782	19.694.735.782	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	-	-	77.979.682.639	77.979.682.639	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(2)</sup>	32.923.334.035	32.923.334.035	88.864.732.113	90.399.371.583	31.388.694.565	31.388.694.565
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai <sup>(3)</sup>	-	-	36.660.179.375	-	36.660.179.375	36.660.179.375
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(4)</sup>	-	-	46.840.108.331	14.927.567.833	31.912.540.498	31.912.540.498
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội <sup>(5)</sup>	1.272.000.000	1.272.000.000	2.192.550.000	1.872.000.000	1.592.550.000	1.592.550.000
- Cán bộ công nhân viên <sup>(6)</sup>	10.311.133.000	10.311.133.000	25.061.600.000	24.452.200.000	10.920.533.000	10.920.533.000
	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>409.466.220.795</b>	<b>302.554.251.996</b>	<b>153.460.748.234</b>	<b>153.460.748.234</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19/2017/HĐCVHM/NHCT146-HEM ngày 11/05/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC thanh toán bằng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 11/05/2018;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 40.986.250.796 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo một phần bằng tài sản.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 130000478734 ngày 30/08/2016, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 130000478734-1 ngày 01/09/2017 của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 30/08/2018;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 31.388.694.565 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐHM/VCB.HGM - HEM ký ngày 01/08/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 01/08/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 36.660.179.375 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng số STVN770-14 ngày 24/10/2014, thoả thuận sửa đổi AC1-STVN770-14 ngày 31/03/2016 và thoả thuận sửa đổi AC2-STVN770-14 ngày 21/03/2017 của Ngân hàng CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 21/03/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng khế ước vay nhưng không quá 150 ngày kể từ ngày rút vốn;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 31.912.540.498 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và Công đoàn với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay từ 5,5%/năm đến 6%/năm, không có tài sản đảm bảo và thời hạn vay không xác định.
- (6) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Toàn bộ dự phòng phải trả ngắn hạn, dài hạn tại thời điểm 01/01/2017 và 31/12/2017 là dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>322.450.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>4.688.778.777</b>	<b>192.525.761.883</b>	<b>16.701.243.006</b>	<b>534.928.967.011</b>
Tăng vốn trong năm trước	45.550.000.000	-	-	-	(45.550.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	66.950.121.974	1.213.172.921	68.163.294.895
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(3.085.816.694)	(143.183.306)	(3.229.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.462.559.000)	(2.051.582.400)	(24.514.141.400)
Phân phối lợi nhuận công ty con	-	-	-	141.445.897	(141.445.897)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(315.127.180)	(134.939.764)	(450.066.944)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>4.830.224.674</b>	<b>187.920.935.086</b>	<b>15.584.710.457</b>	<b>574.899.053.562</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>4.830.224.674</b>	<b>187.920.935.086</b>	<b>15.584.710.457</b>	<b>574.899.053.562</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	80.409.402.662	(81.187.815)	80.328.214.847
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ	-	-	-	3.000.000.000	(9.322.000.000)	-	(6.322.000.000)
Trích lập các quỹ tại công ty con	-	-	-	95.802.127	(254.867.981)	(96.105.767)	(255.171.621)
Chia cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	-	(73.288.740.000)	-	(73.288.740.000)
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	(1.124.652.000)	(1.124.652.000)
Mua cổ phần tại công ty con	-	-	-	-	(2.502.116.910)	(5.247.243.090)	(7.749.360.000)
Điều chỉnh hợp nhất công ty liên kết theo số liệu đã được kiểm toán các kỳ trước	-	-	-	-	(1.410.699.699)	-	(1.410.699.699)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	1	(1)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>152.595.945</b>	<b>(1.589.412.600)</b>	<b>7.926.026.801</b>	<b>181.551.913.159</b>	<b>9.035.521.784</b>	<b>565.076.645.089</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông tại công ty mẹ và các công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 tại các công ty như sau:

	Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ		Phân phối lợi nhuận tại Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội		Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	
	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	88.166.490.514	100,00%	1.324.201.406	100,00%	2.236.996.919
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,40%	3.000.000.000	0,00%	-	6,12%	136.825.298
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,67%	5.000.000.000	7,93%	105.000.000	6,71%	150.171.621
Trích Quỹ thưởng ban quản lý, ban điều hành	1,50%	1.322.000.000	0,00%	-	0,00%	-
Chi trả cổ tức	83,13%	73.288.740.000	83,82%	1.110.000.000	87,17%	1.950.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	6,30%	5.555.750.514	8,25%	109.201.406	0,00%	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,88%	242.422.450.000	65,88%	242.422.450.000
Các cổ đông khác	33,70%	124.021.250.000	33,70%	124.021.250.000
Cổ phiếu quỹ	0,42%	1.556.300.000	0,42%	1.556.300.000
	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	368.000.000.000	368.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	368.000.000.000	322.450.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	45.550.000.000
- Vốn góp cuối năm	368.000.000.000	368.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	73.288.740.000	22.462.559.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	73.288.740.000	22.462.559.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.800.000	36.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	36.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.800.000	36.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	155.630	155.630
- Cổ phiếu phổ thông	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	36.644.370
- Cổ phiếu phổ thông	36.644.370	36.644.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.926.026.801	4.830.224.674
	<b>7.926.026.801</b>	<b>4.830.224.674</b>

**20 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(25.923.000)	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.069.683.123	3.145.442.776
Chi sự nghiệp	(7.095.783.123)	(3.171.365.776)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<b>(52.023.000)</b>	<b>(25.923.000)</b>

Nguồn kinh phí do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp với mục đích nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo dây động cơ điện không đồng bộ 3 pha roto lồng sóc, công suất đến 30KW. Thời gian thực hiện từ 24/12/2015 đến 30/04/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	57,07	2.061,97

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
	3.706.210.146	3.706.210.146

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	418.062.538.232	386.605.758.138
Doanh thu bán hàng hóa	52.439.816.382	244.407.097.608
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.231.838.298	55.604.728.372
	<b>542.734.192.912</b>	<b>686.617.584.118</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<b>44.324.057.978</b>	<b>235.439.315.252</b>

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	683.931.458	3.691.060.812
	<b>683.931.458</b>	<b>3.691.060.812</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	348.167.152.527	313.063.919.539
Giá vốn của hàng hóa đã bán	50.491.069.785	236.493.118.428
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.602.943.652	41.501.708.294
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.155.293.232	723.740.777
	<b>445.416.459.196</b>	<b>591.782.487.038</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.094.373.875	3.472.520.109
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.250.000.000	61.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	74.989.530	508.693.278
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	18.103.571
	<b>51.419.363.405</b>	<b>65.599.316.958</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.556.082.505	2.378.580.972
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	586.996.953	462.559.263
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	65.488.461	289.292.926
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.341.647	-
	<b>6.211.909.566</b>	<b>3.130.433.161</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	675.029.078	629.112.284
Chi phí nhân công	3.911.393.920	1.906.128.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.111.320	272.623.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.137.233.961	5.720.029.261
Chi phí khác bằng tiền	7.881.651.819	7.397.919.258
Chi phí bảo hành	(1.869.987.247)	5.325.660.506
	<b>15.952.432.851</b>	<b>21.251.472.450</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.614.790.904	1.413.996.293
Chi phí nhân công	16.651.749.991	17.363.190.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.265.158.069	1.121.913.519
Thuế, phí, lệ phí	55.501.000	54.845.495
Hoàn nhập dự phòng	(440.155.150)	(73.887.688)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.790.104.526	5.326.942.768
Chi phí khác bằng tiền	12.471.394.935	11.714.629.165
	<b>36.408.544.275</b>	<b>36.921.630.321</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	113.678.104	-
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.231.300.000	1.215.000.000
Thu nhập khác	50.000.000	69.814.530
	<b>1.394.978.104</b>	<b>1.284.814.530</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	503.211.552
Các khoản bị phạt	2.644.863.110	352.158.900
Chi phí khác	73.360.489	25.000.000
	<b>2.718.223.599</b>	<b>880.370.452</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9.081.595.014</b>	<b>7.124.520.871</b>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	20.769.742	156.856.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.950.529.386	2.327.022.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.115.673.196)	(7.657.869.918)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>5.937.220.946</b>	<b>1.950.529.386</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	80.409.402.662	66.950.121.974
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	80.409.402.662	66.950.121.974
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.644.370	36.644.370
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.194</b>	<b>1.827</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	347.225.653.012	335.629.561.040
Chi phí nhân công	58.178.586.526	61.866.389.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.035.828.830	9.196.280.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.413.138.331	15.305.977.131
Chi phí khác bằng tiền	23.178.829.454	29.326.402.866
	<b>458.032.036.153</b>	<b>451.324.610.960</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	57.352.948.855	-	112.293.999.848	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	193.778.013.187	(590.937.837)	106.437.597.409	(1.031.092.987)
Các khoản cho vay	32.500.000.000	-	31.300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	39.839.670.000	-	-	-
	<b>323.470.632.042</b>	<b>(590.937.837)</b>	<b>250.031.597.257</b>	<b>(1.031.092.987)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	153.460.748.234	46.548.779.435
Phải trả người bán, phải trả khác	58.897.724.024	55.376.724.720
Chi phí phải trả	868.964.205	2.626.843.898
	<b>213.227.436.463</b>	<b>104.552.348.053</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	39.839.670.000	-	-	39.839.670.000
	<u>39.839.670.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>39.839.670.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	57.352.948.855	-	-	57.352.948.855
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.847.161.250	75.339.914.100	-	193.187.075.350
Các khoản cho vay	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000
	<u>207.700.110.105</u>	<u>75.339.914.100</u>	<u>-</u>	<u>283.040.024.205</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	112.293.999.848	-	-	112.293.999.848
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.406.504.422	-	-	105.406.504.422
Các khoản cho vay	31.300.000.000	-	-	31.300.000.000
	<u>249.000.504.270</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>249.000.504.270</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	153.460.748.234	-	-	153.460.748.234
Phải trả người bán, phải trả khác	58.897.724.024	-	-	58.897.724.024
Chi phí phải trả	868.964.205	-	-	868.964.205
	<u><u>213.227.436.463</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>213.227.436.463</u></u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	46.548.779.435	-	-	46.548.779.435
Phải trả người bán, phải trả khác	55.376.724.720	-	-	55.376.724.720
Chi phí phải trả	2.626.843.898	-	-	2.626.843.898
	<u><u>104.552.348.053</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>104.552.348.053</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh máy biến áp, linh kiện thiết bị điện và chi hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2017</u> VND	<u>Năm 2016</u> VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>44.324.057.978</b>	<b>235.439.315.252</b>
Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	227.548.633.432
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	37.016.677.340	3.344.100.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	4.918.826.000	3.976.636.364
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	237.477.273
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	1.867.702.274	332.468.183
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Gelex	Cùng Công ty mẹ	493.636.364	-
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Cùng Công ty mẹ	27.216.000	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>21.536.392.528</b>	<b>7.760.733.759</b>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	723.486.780	6.325.538.383
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	1.270.084.920	486.604.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	-	268.954.321
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	714.025.878	22.750.200
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	416.378.000	656.886.855
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	18.412.416.950	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

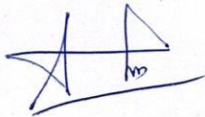
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>34.138.113.110</b>	<b>599.349.549</b>
Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	201.758.036	599.349.549
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	32.776.152.574	-
Công ty TNHH MTV Cadivi miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	1.160.202.500	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>-</b>	<b>222.536.390</b>
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	-	222.536.390
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>6.579.665.400</b>	<b>535.264.400</b>
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	11.286.000	535.264.400
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	6.568.379.400	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>-</b>	<b>104.490.000</b>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	104.490.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2017</u> VND	<u>Năm 2016</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.169.763.375	2.604.861.113
Thu nhập của Tổng Giám đốc	686.412.850	708.957.732

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Lê Thanh Hải**

Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018



**Nguyễn Thị Thanh Yên**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Trọng Tiêu**

Tổng Giám đốc